

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HS-ST
Ngày 15-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Viện - Nguyên Phó Chủ tịch UBND phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng

Bà Lê Thị Mai Hương - Nguyên Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và điểm cầu thành phần: Trại tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

ĐOÀN VĂN P, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1993 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn V, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Bị cáo bị xét xử 02 lần (đều đã được xóa án tích) tại các Bản án số 23/2011/HSST ngày 15/12/2011 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xử phạt 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma

túy” và Bản án số 53/2020/HS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 21 (hai mươi một) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 01/5/2021; bị cáo bị truy nã theo Quyết định truy nã số 04/QĐTN-HS, KT, MT ngày 10/8/2023 đến ngày 23/8/2023 bị bắt, bị tạm giữ đến ngày 24/8/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Bị hại*: Cháu Đỗ Văn Hải B, sinh năm 2007; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1964; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*: Ông Trần Minh N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Thê Q, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Lưu Văn P; vắng mặt, đã triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 50 phút ngày 30/5/2023, Đoàn Văn P điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 16K7-1970 đi từ Trung tâm Y tế quận Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng đến khu vực bãi biển thuộc Đoàn 295 quận Đồ Sơn. Khi đang di chuyển, P nhìn thấy cháu Đỗ Văn Hải B, sinh ngày 24/11/2007; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng để 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu ghi vào trong cốp xe mô tô Biển kiểm soát 16N9-9973 đang để ở vỉa hè phía trước cửa Nhà hàng T thuộc tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. P liền nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại để bán, lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi thấy cháu B đi xuống biển tắm, xung quanh không có ai, P đi đến dùng tay phải mở cốp xe mô tô Biển kiểm soát 16N9-9973 lấy điện thoại nêu trên cho vào túi quần bên phải đang mặc, rồi đi về nhà. Trên đường đi, P tháo sim điện thoại vất đi. Sau đó, P đi đến nhà Lưu Văn P, sinh năm 1986, tại tổ dân phố N, phường M, quận Đ, Hải Phòng nhờ P chở đi bán điện thoại, P đồng ý. P điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 15M1-063.90 của P, chở P đến cửa hàng điện thoại Y, địa chỉ: Số 2074, đường N, tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng để bán điện thoại trộm cắp được.

Tại cửa hàng, P gặp anh Nguyễn Thế Q chủ cửa hàng điện thoại Y, sinh năm 1990, cư trú tại thôn L, xã T, huyện K, Hải Phòng), sau khi thoả thuận, anh Q đồng ý mua giá 3.500.000 đồng. Số tiền này, P đã chi tiêu cá nhân hết, chưa bồi thường anh Q.

Đến 09 giờ 30 phút cùng ngày, cháu Đỗ Văn Hải B đến Công an phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng trình báo sự việc.

Cũng trong ngày 30/5/2023, anh Q giao nộp Công an phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu ghi do P bán, anh mua.

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu ghi đã được Cơ quan điều tra thu hồi, trả lại cháu Đỗ Văn Hải B; 01 xe mô tô Biển kiểm soát 16K7-1970, P sử dụng để thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” hiện không thu hồi được.

Sau khi bị khởi tố, bị cáo bỏ trốn nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đồ Sơn ra Quyết định truy nã số 04/QĐTN-HS, KT, MT ngày 10/8/2023 đến ngày 23/8/2023 bị bắt.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 16/KL-HĐĐGTS ngày 03/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, kết luận: *“01 điện thoại Iphone 11 Promax, màu ghi có giá 8.000.000 đồng”*.

Về trách nhiệm dân sự: Cháu B - bị hại, người đại diện hợp pháp của cháu B - ông N (cha đẻ); anh Nguyễn Thế Q - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, hoàn trả gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi “Trộm cắp tài sản” về thời gian, địa điểm bị cáo trộm cắp tài sản; số lượng, nhãn hiệu, đặc điểm, trị giá tài sản bị chiếm đoạt, bán tài sản, chi tiêu hết số tiền do phạm tội mà có, chưa bồi thường anh Q và các tình tiết khác có liên quan và các tình tiết khác có liên quan như nội dung vụ án đã nêu.

Đối với anh Q có hành vi mua 01 điện thoại di động nêu trên do bị cáo bán. Qua điều tra xác định, anh Q không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố bị cáo Đoàn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản theo” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi “Trộm cắp tài sản” về thời gian, địa điểm bị cáo trộm cắp tài sản; số lượng, nhãn hiệu, đặc điểm, trị giá tài sản bị chiếm đoạt; bán tài sản, chi tiêu hết số tiền do phạm tội mà có, chưa bồi

thường anh Q và các tình tiết khác có liên quan như nội dung vụ án đã nêu; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại giai đoạn điều tra; phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và còn khai: Bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, không được hưởng chế độ trợ cấp gì tại địa phương.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn trình bày nội dung luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng; đề xuất với Hội đồng xét xử về mức hình phạt, xử lý vật chứng và các vấn đề khác trong vụ án như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đoàn Văn P từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự: Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu ghi đã được Cơ quan điều tra đã thu hồi, trả lại cháu Đỗ Văn Hải B; 01 xe mô tô Biển kiểm soát 16K7-1970 hiện không thu hồi được, nên đều không xem xét.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.500.000^d (ba triệu, năm trăm nghìn đồng) do bị cáo phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Cháu Đỗ Văn Hải B đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, người đại diện hợp pháp của cháu B - ông N; anh Nguyễn Thế Q đều không yêu cầu Đoàn Văn P phải bồi thường, hoàn trả gì khác. Nên đều không xem xét.

- Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về vấn đề khác: Anh Q không biết điện thoại P bán, anh mua là tài sản do P phạm tội mà có nên không xem xét; Lưu Văn P hiện không có mặt tại nơi cư trú. P khai nhận, khi P nhờ P chở P đi bán điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu ghi, P không biết đó là tài sản P do phạm tội mà có; P không có mặt trong cửa hàng điện thoại khi P bán điện thoại, phù hợp với lời khai của anh Q - người mua điện thoại nên không có căn cứ để xử lý.

Trợ giúp viên pháp lý - ông N trình bày nội dung bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại - cháu B:

Về tội danh và điều luật áp dụng: Nhất trí với tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố, đề nghị kết tội bị cáo P theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các tình tiết được áp dụng trong vụ án.

Thứ nhất: Về hành vi và thủ đoạn của bị cáo trong vụ án: Để thực hiện mục đích có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại - cháu Đỗ Văn Hải B để điện thoại trong cốp xe máy và xuống tắm biển, xung quanh không có ai nên đã có hành vi lén lút mở cốp xe để lấy 01 điện thoại của cháu B. Bị cáo là người đã thành niên, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; nhận thức được việc “Trộm cắp tài sản” là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt theo Bản kết luận định giá tài sản số 16 ngày 03/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận Đồ Sơn là 8 triệu đồng nên đã thỏa mãn dấu hiệu của tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Thứ hai: Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đồng ý với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đề nghị; *Thứ ba:* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào lời khai của bị cáo P thể hiện trước khi bị cáo P lấy điện thoại của cháu B thì bị cáo đã quan sát thấy cháu B còn nhỏ tuổi nên đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của cháu B. Mặt khác, căn cứ vào Giấy khai sinh thì cháu Đỗ Văn Hải B sinh ngày 24/11/2007, mới hơn 15 tuổi. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về đề nghị hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Cháu Đỗ Văn Hải B và người đại diện hợp pháp đã nhận lại 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu ghi; đều không có yêu cầu nào khác, nên tôi đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo không tự bào chữa, không có ý kiến tranh luận đối với đại diện Viện Kiểm sát về toàn bộ nội dung luận tội, đề xuất về mức hình phạt, các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án; không tranh luận với Trợ giúp viên Pháp lý về nội dung bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại; bị cáo nhận thức được hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị hại là phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Đối với những người tham gia tố tụng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đều đã có lời khai đầy đủ, phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, anh Q - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, hoàn trả gì. Xác định, sự vắng mặt đó không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ như đề nghị của Kiểm sát viên, Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa theo quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh, điều luật áp dụng:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 07 giờ 50 phút ngày 30/5/2023, tại khu vực bãi biển Đoàn 295 thuộc tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, Hải Phòng, Đoàn Văn P đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu ghi của cháu Đỗ Văn Hải B, sinh năm 2007,

có giá trị 8.000.000^d (tám triệu đồng) theo Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản quận Đồ Sơn. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung:

[3] Với hành vi nêu trên của bị cáo, xác định: Bị cáo có hành vi “Trộm cắp tài sản” có giá trị 8.000.000^d (tám triệu đồng) theo Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản quận Đồ Sơn. Nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do bị hại - cháu B sinh năm 2007 là người chưa đủ 16 tuổi. Nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo đã bị xét xử 02 lần, đều đã được xóa án tích nên được coi là có nhân thân xấu.

[7] Xét các nội dung Kiểm sát viên đề xuất với Hội đồng xét xử đã nêu tại phần Nội dung vụ án. Xác định, những đề xuất của Kiểm sát viên đề có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về hình phạt:

[8] Về hình phạt chính: Từ những phân tích về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đánh giá hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội mà còn gây tâm lý bức xúc trong nhân dân. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Xác định loại hình phạt: Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, bị bắt theo quyết định truy nã là gây khó khăn cho quá trình xác minh, điều tra, giải quyết vụ án. Do

đó, cần phải tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian với mức hình phạt tương xứng với tội phạm bị cáo đã thực hiện, mới đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[8.1] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, do bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ, được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự, bồi thường:

[9] Cháu B - Bị hại, người đại diện hợp pháp của cháu B - ông N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án - anh Q đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, hoàn trả gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng:

[10] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu ghi đã được Cơ quan điều tra thu hồi, trả cháu B - bị hại nhận lại; 01 xe mô tô Biển kiểm soát 16K7-1970 hiện không thu hồi được. Do đó, Hội đồng xét xử đều không đặt ra xem xét, giải quyết.

[11] Về biện pháp Tư pháp: Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 3.500.000^d (ba triệu, năm trăm nghìn đồng) do bị cáo phạm tội mà có, đã chi tiêu cá nhân hết, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Về các vấn đề khác:

[12] Các tình tiết khác có liên quan như nội dung vụ án đã nêu, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý, giải quyết; không xử lý đều phù hợp, có căn cứ. Vì vậy, đều không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[13] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo:

[14] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[15] Anh Nguyễn Thế Q không biết điện thoại P bán, anh mua là tài sản do P phạm tội mà có nên không xem xét; Lưu Văn P hiện không có mặt tại nơi cư trú. P khai nhận, khi P nhờ P chở P đi bán điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu ghi, P không biết đó là tài sản P do phạm tội mà có; P

không có mặt trong cửa hàng điện thoại khi P bán điện thoại, phù hợp với lời khai của anh Q - người mua điện thoại nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về hình phạt chính:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo: Đoàn Văn P 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 23/8/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt tiền đối với bị cáo.

- Về biện pháp Tư pháp:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo phải nộp lại số tiền 3.500.000^d (ba triệu, năm trăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên toà đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn, TPHP;
- Công an quận Đồ Sơn + Phòng PV 06 CAHP;
- Cơ quan THA phạt tù + Phòng PC 10 CAHP;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn + Sở Tư pháp HP;
- Bị cáo, bị hại, người có QL, NVLQ đến vụ án;
- UBND phường M, quận Đ, TPHP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng